

Số: 5530/GPMT-UBND

Kim Thành, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải ngày 28/11/2024;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1198/TTr-TNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Thượng Đỗ 1, xã Vũ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Thượng Đỗ 1, xã Vũ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số 0800161870 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/3/2019.

1.4. Mã số thuế: 0800161870

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cơ sở sản xuất bao bì carton, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Diện tích: 8.035,0m<sup>2</sup>

- Quy mô:

+ Sản xuất bao bì carton 2.000 tấn/năm.

+ Dịch vụ vận tải hàng hóa 2.400 tấn/năm.

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho với tổng diện tích sàn cho thuê là 1.471m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép 10 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành, UBND xã Vũ Dũng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- T.T Huyện ủy-HĐND huyện (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Công ty TNHH SX và thương mại Hữu Hùng;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- UBND xã Vũ Dũng;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. UBND HUYỆN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Hưng**

## Phụ lục 01

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5530/QĐ-UBND  
ngày 27/12/2024 của UBND huyện Kim Thành)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của đơn vị thứ cấp thuê nhà xưởng của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước giáp công ty về phía Đông.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải nước thải: Mương tiêu thoát nước giáp công ty về phía Đông.

- Tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X= 2320931, Y= 596329.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bơm dẫn theo đường ống HDPE D75 dài 108m chảy vào mương tiêu thoát phía Đông cơ sở.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24giờ/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B, giá trị  $C_{max}$  với hệ số  $K=1,2$ ).

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		

4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	quan trắc định kỳ
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> -) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	6000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh thu về bể tự hoại ba ngăn sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Công ty có trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở sản xuất.

- Nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể gom, điều hòa → thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → Bể khử trùng → Mương nước giáp phía Đông cơ sở

- Công suất thiết kế hệ thống: 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: javel 10% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng

thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết như máy thổi khí, máy bơm, máy thổi khí,... để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục, đúng quy trình vận hành đã xây dựng; theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải từ các bể lưu chứa được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể thì chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng sau khi cấp giấy phép.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể thu gom và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

## **2.3. Tần suất lấy mẫu**

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 1 ngày, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho UBND huyện Kim Thành trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực

hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND huyện Kim Thành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Trong trường hợp công suất, công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng cấp công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.6. Trong quá trình xả thải nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND huyện Kim thành.

3.7. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

## Phụ lục 02

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5530/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Kim Thành)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

01 nguồn khí thải từ lò hơi

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải tương ứng 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X1(m): 2320987; Y1(m): 596133.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải gián đoạn 8h/24h (theo giờ làm việc).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với  $k_p=1,0$ ;  $k_v=1,0$ , cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850		

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải.



Bụi, khí thải lò hơi được quạt hút có công suất 10.000 m<sup>3</sup>/h dẫn vào bể nước có thể tích 04m<sup>3</sup>. Bụi, khí thải sau bể nước được thoát ra ngoài qua ống khói cao 13,5m.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi → quạt hút → bể đập bụi → ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/h

- Thông số kỹ thuật:

+ Đường ống sau lò hơi, vào bể nước đập bụi D600mm, dài 2,5m

+ Bể xử lý (dung dịch hấp thụ là nước) khí thải được xây gạch, kích thước toàn khối: D x R x H = 3250mm x 1140mm x 1100mm = 4m<sup>3</sup>, chia làm 03 ngăn kích thước như nhau.

+ Ống thoát khí: đường kính D600mm, cao 13,5m

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## 1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo, huấn luyện công nhân vận hành nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản

lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng sau khi cấp giấy phép.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, công suất 10.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm (trên ống thải của 01 hệ thống xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: 01 lần/ngày, mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi UBND huyện Kim Thành trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 03**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5530/QĐ-UBND  
ngày 27/12/2024 của UBND huyện Kim Thành)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc sản xuất.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ vị trí xưởng sản xuất phát sinh tiếng ồn (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°): X(m): 232098 ; Y(m): 596180

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân các thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và tra dầu bôi trơn định kỳ.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 06 tháng/lần.
- Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại cơ sở.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị mới và hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5530/QĐ-UBND*  
*ngày 27/12/2024 của UBND huyện Kim Thành)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	15
2	Giẻ lau, găng tay bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	30
3	Pin thải	Rắn	16 01 12	0,5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
5	Bao bì nhựa thải dính thành phần nguy hại (hộp keo, dầu thải)	Rắn	18 01 03	200
6	Bao bì kim loại thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	5
<b>Tổng</b>				<b>300,5</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy, bao bì Bìa carton	Rắn	18 01 05	200.000
2	Nilon, dây nhựa	Rắn	18 01 06	300
3	Vỏ hộp mực in của máy in văn phòng	Rắn	08 02 08	2
4	Bùn thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lỏng	12 06 10	400
5	Phế kim loại thải (thải ra từ bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	Rắn	11 04 04	100
<b>Tổng</b>				<b>200.802</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,8 tấn/năm**

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### ***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại***

- Thiết bị lưu chứa chất thải: 06 thùng chứa (thùng nhựa, thùng phy), thể tích 10 -150 lít/thùng chứa có dán mã chất thải

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 10m<sup>2</sup>.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường***

- Trang bị các thiết bị lưu chứa từng loại chất thải phù hợp.

- Kho lưu chứa chất thải thông thường: Diện tích 10m<sup>2</sup>.

Chất thải rắn thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt***

- Trang bị 04 thùng chứa rác 20 -50 lít/thùng có nắp đậy thu gom rác

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### ***3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:*** Không có

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.